

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 252/2024/HC-PT

Ngày 08 tháng 4 năm 2024

V/v “*Khiếu kiện Quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Tám

Các Thẩm phán:

Ông Chung Văn Kết

Bà Nguyễn Thị Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đàm Lê Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Út - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 3 và ngày 08 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 791/2023/TLPT-HC ngày 01 tháng 11 năm 2023 “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” do Bản án hành chính sơ thẩm số 30/2023/HC-ST ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 6256/2023/QĐ-PT ngày 27 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Phạm Hoàng T, sinh năm 1952. Địa chỉ: Số B (số nhà M), đường T, khóm P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Ngọc K, sinh năm 1993. Địa chỉ: Số C, đường N, Phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. (Văn bản ủy quyền ngày 14/11/2022) (Có mặt)

2. *Người bị kiện:*

2.1. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Minh T1 - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C. (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Thanh D - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C. (Giấy ủy quyền số 21/GUQ-UBND ngày 24/10/2022) (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện C: Ông Nguyễn Hoàng H, Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C và Ông Lê Hoàng G, Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C. (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Số H, Quốc lộ H, khóm P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2.2. Ủy ban nhân dân tỉnh Đ;

2.3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Thiện N – Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ. Địa chỉ: Số A, đường C, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. (Vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ: Ông Nguyễn Thanh S - Phó Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ. Địa chỉ: Số C, Quốc lộ C, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. (Vắng mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Chùa P2. Đại diện theo pháp luật: Bà Hồ Thanh H1 (Sư cô Thích Nữ Như L) sinh năm 1960 - Trụ trì Chùa P2. Địa chỉ: Số A, đường T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Nguyễn Nhật T2, Đoàn luật sư Thành phố H. (Có mặt)

3.2. Anh Phạm Hoàng T3, sinh năm 1979; (Vắng mặt)

3.3. Chị Nguyễn Thị Mỹ P, sinh năm 1980. (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của anh Phạm Hoàng T3 và chị Nguyễn Thị Mỹ P: Ông Phạm Hoàng T, sinh năm 1952. Cùng địa chỉ: Số B (số nhà M), đường T, khóm P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. (Hợp đồng ủy quyền ngày 21/12/2022) (Có mặt)

Người kháng cáo: Chùa P2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại các Đơn khởi kiện ngày 03/6/2022, Đơn khởi kiện ngày 10/10/2022 của người khởi kiện ông Phạm Hoàng T trình bày:

Ông là chủ sử dụng đất hợp pháp đối với thửa đất số 19 và thửa đất số 50, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại khóm P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Đồng Tháp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1888466, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận 01456 QSDĐ/B3, do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 20/10/1997. Nguồn gốc đất này là do ông nội là Phạm Như H2 mua lại của dòng tộc, có giấy mua bán được làng xã và cơ quan có thẩm quyền thời điểm đó chứng nhận. Sau đó lập di chúc để lại cho ông Phạm Hoàng T, ông đã quản lý và đóng thuế từ trước đến nay. Trên phần diện tích đất này có căn nhà thờ tổ để thờ cúng ông bà trong gia tộc (sau này bị bà H3 Thanh Hồng tháo dỡ, bán gỗ để xây chùa P2 hiện tại), năm 2006 ông thấy bà Hồ Thanh H1 xây dựng hàng rào kiên cố xung quanh chùa và bao lán một phần diện tích lớn hơn 1.000m² bao cả phần diện tích đất trống ngoài khuôn viên C, cả phần Miếu thờ “Bà C1” của bà con xóm chài (sau này bà H1

xây bít lồi đi vào Miếu, không cho bà con tiếp tục thờ tự nữa), ông tranh chấp thì lúc đó bà H1 cho xem Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp cho Chùa P2. Phần diện tích cấp cho Chùa P2 nằm trong quyền sử dụng đất của ông, trong khi ông chưa nhận được bất cứ thông báo thu hồi nào của cơ quan có thẩm quyền nên hiện tại phần diện tích đó có hai Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp (chồng lên nhau). Sau đó ông làm đơn khiếu nại đến các cơ quan có thẩm quyền và nhận được Công văn phúc đáp số 027/CV-BTS ngày 05/3/2006 của Giáo hội Phật giáo tỉnh Đ với nội dung là Thường trực Văn phòng B không có nhận được văn bản nào về việc hiến cúng đất vào Chùa P2, không có Quyết định nhận đất hiến cúng thuộc Chùa P2 nên Ban trị sự không có xác nhận nào trong thủ tục làm giấy quyền sử dụng đất cho Chùa P2. Sau đó Giáo hội Phật giáo tỉnh Đ có gửi công văn đến các cơ quan ban ngành để hỏi về trường hợp này cấp đất cho Chùa P2 có đúng pháp luật hay không. Năm 2008, ông nhận được Quyết định giải quyết khiếu nại số 364/QĐ-UBND-NĐ ngày 03/07/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về việc bác khiếu nại của ông, công nhận quyền sử dụng đất diện tích 1.072m² cho Chùa P2, chỉ đạo Ủy ban nhân dân huyện C thu hồi quyền sử dụng đất đã cấp cho ông đối với phần diện tích Chùa P2 đang sử dụng. Sau đó, ông khiếu nại đến các cơ quan chức năng và được hướng dẫn gửi khiếu nại đến Bộ T6, ông đã gửi đơn khiếu nại suốt nhiều năm nhưng không được trả lời. Ngày 18/05/2022, ông nhận được Quyết định số 390/QĐ-UBND ngày 12/5/2022 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc thu hồi, điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Phạm Hoàng T, ngụ thị trấn C, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Thu hồi, điều chỉnh giảm diện tích 1.072m² trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Phạm Hoàng T, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành 1888466, số vào sổ cấp giấy chứng nhận 01456 QSDĐ/B3, do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 20/10/1997. Trong đó, thu hồi, điều chỉnh giảm 584m² thuộc một phần thửa đất số 19, tờ bản đồ số 3, mục đích sử dụng là đất ở tại đô thị (ODT); Thu hồi trọn thửa đất số 50, tờ bản đồ số 03, diện tích 488m², mục đích sử dụng đất ở tại đô thị (ODT) với lý do là thực hiện Quyết định số 364/QĐ/UBND-NĐ. Phần diện tích đất 1.072m² mà Chùa P2 đang bao chiếm, sử dụng là thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông, có nguồn gốc từ ông nội mua lại của họ Tộc (trong đó có cả những ông bà của người đang quản lý Chùa P2 ký tên) sau khi được ông nội lập di chúc thì ông quản lý và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đóng thuế hàng năm từ đó đến nay. Việc Ủy ban nhân dân tỉnh Đ tự ý cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Chùa P2 là không đúng quy định, vì người ký hiến đất không phải là chủ sử dụng đất hợp pháp mà chính Ban trị sự Giáo hội Phật giáo tỉnh Đ cũng xác nhận là vào thời điểm đó không nhận được bất cứ thông tin nào về việc cúng hiến đất hay thông báo về thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Chùa P2. Như vậy, việc Ủy ban nhân dân tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Chùa P2 là không đúng trình tự thủ tục, gây ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi hợp pháp của ông, đồng thời quá trình xác minh để giải quyết khiếu nại của ông cũng không đúng trình tự thủ tục, không khách quan dẫn đến việc giải quyết khiếu nại không thỏa đáng. Khi có Quyết định 364/QĐ-UBND-NĐ ông đã khiếu nại liên tục từ đó đến nay nhưng chưa được giải quyết, nay Ủy ban nhân dân huyện C ra Quyết định thu

hồi một phần diện tích đất của ông.

Nay ông yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 390/QĐ-UBND ngày 12/5/2022 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc thu hồi, điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Phạm Hoàng T, ngụ thị trấn C, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; Quyết định số 364/QĐ-UBND-NĐ ngày 03/7/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Phạm Hoàng T, ngụ thị trấn C, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 817144 do Ủy ban nhân dân tỉnh Đ cấp ngày 26/9/2005 cho Chùa P2 phần diện tích đất 1.072m² đất, thửa 113, tờ bản đồ số 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Tại Văn bản ý kiến số 5350/UBND-NC ngày 28/11/2022 và số 470/UBND-NC ngày 10/02/2023 của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện C trình bày:

Ngày 03/7/2008, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành Quyết định số 364/QĐ-UBND-NĐ về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Hoàng T, ngụ: thị trấn C, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Nội dung Quyết định: *"Điều 1. Bác đơn khiếu nại của ông Phạm Hoàng T. Công nhận quyền sử dụng đất diện tích 1.072m² đất cho Chùa P2. Giao UBND huyện C thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Phạm Hoàng T đối với phần đất Chùa P2 đang sử dụng..."*. Ngày 13/12/2021, bà Hồ Thanh H1, sinh năm 1960 (Trụ trì Chùa P2), yêu cầu Ủy ban nhân dân Huyện thực hiện Quyết định số 364/QĐ-UBND-NĐ ngày 03/7/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Hoàng T, ngụ: thị trấn C, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Thực hiện Quyết định số 364/QĐ-UBND-NĐ ngày 03/7/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ. Ngày 12/5/2022, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 390/QĐ-UBND về việc thu hồi, điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Phạm Hoàng T. Nội dung Quyết định: *"Thu hồi, điều chỉnh giảm diện tích 1.072m² trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Phạm Hoàng T, sinh năm 1952, chứng minh nhân dân số: 340403330, địa chỉ: số B, đường T, khóm P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Giấy chứng nhận có số phát hành: 1888466, số vào sổ cấp giấy chứng nhận 01456 QSDD/B3, do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 20 tháng 10 năm 1997.*

Thông tin thửa đất thu hồi, điều chỉnh, như sau:

+ *Thu hồi, điều chỉnh giảm diện tích 584m² trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thuộc một phần thửa đất số 19, tờ bản đồ số 3, mục đích sử dụng: đất ở tại đô thị (ODT).*

+ *Thu hồi trọn thửa đất số 50, tờ bản đồ số 3, diện tích 488m², mục đích sử dụng: đất ở tại đô thị (ODT).*

+ *Địa chỉ thửa đất: khóm P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Lý do: Thực hiện Quyết định số 364/QĐ-UBND-NĐ ngày 03 tháng 7 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ."*

Ủy ban nhân dân Huyện giữ nguyên nội dung Quyết định số 390/QĐ-UBND ngày 12/5/2022 về việc thu hồi, điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất đã cấp cho hộ ông Phạm Hoàng T, ngụ thị trấn C, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Diện tích 1.072m² đất Chùa P2 đã quản lý sử dụng và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đề nghị hộ ông Phạm Hoàng T giao nộp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để chỉnh lý theo Quyết định số 390/QĐ-UBND ngày 12/5/2022 của Ủy ban nhân dân Huyện theo quy định.

Tại Văn bản ý kiến số 466/UBND-NC ngày 23/11/2022 của người bị kiện Ủy ban nhân dân tỉnh Đ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ trình bày:

Nguồn gốc đất Chùa P2 là của ông Tô Văn T4. Sau khi ông T4 qua đời con cháu thay nhau sử dụng đất Chùa từ năm 1917 đến năm 1993. Tại thời điểm năm 1993, Hội đồng gia tộc có lập tờ ủy quyền hiến đất cho Chùa P2, ông Thích Thiện L1 là người đại diện C tiếp nhận và ông L1 có xây dựng hàng rào xung quanh ngôi Chùa. Năm 1994, ông Thích Thiện L1 về Vĩnh Long, gia đình bà Phạm Thị B (cháu đời thứ 05 của ông T4) tiếp tục giao cho bà Hồ Thanh H1 (pháp danh Thích nữ Như Lạc) quản lý Chùa P2. Ngày 20/10/1997, Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phạm Hoàng T diện tích 2.626m² (thửa đất số 19, TĐĐ: 03, diện tích 2.138m²; mục đích sử dụng: T và thửa đất số 50, tờ bản đồ số 03, diện tích 488m², mục đích sử dụng: T). Ngày 22/02/2000, Ủy ban nhân dân Huyện ban hành Quyết định số 61/QĐ-UB về việc thu hồi và điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Phạm Hoàng T, ngụ thị trấn C, lý do: trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Phạm Hoàng T có phần đất 334m² cấp cho ông, là không đúng chủ quyền sử dụng đất theo luật định. Không thống nhất Quyết định số 61/QĐ-UB ngày 22/02/2000 của Ủy ban nhân dân Huyện, ông Phạm Hoàng T khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Châu Thành yêu cầu hủy Quyết định số 61/QĐ-UB ngày 22/02/2000. Vụ kiện Quyết định hành chính của ông Phạm Hoàng T, tại Bản án sơ thẩm số 01/HC-ST ngày 11/8/2000 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành và Bản án hành chính phúc thẩm số 01/HCPT ngày 29/9/2000 của Tòa án nhân dân Tỉnh đã tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hoàng T về việc hủy Quyết định số 61/QĐ-UB ngày 22/02/2000 của Ủy ban nhân dân huyện C. Ông Phạm Hoàng T tiếp tục gửi đơn yêu cầu Tòa hành chính, Tòa án nhân dân tối cao xem xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án hành chính phúc thẩm số 01/HC PT ngày 29/9/2000 của Tòa án nhân dân Tỉnh. Ngày 09/3/2001, Tòa hành chính Tòa án nhân dân tối cao có Công văn số 23/CV-HC trả lời ông Phạm Hoàng T theo thủ tục giám đốc thẩm, nội dung Bản án hành chính phúc thẩm số 01/HC PT ngày 29/9/2000 của Tòa án nhân dân Tỉnh là có căn cứ và đúng pháp luật. Ngày 09/01/2001, Chùa P2 được Ban T chứng nhận là Cơ sở Giáo hội P3 tại Văn bản số 194/CN.BTS và Sư cô Thích nữ Như Lạc (thể danh Hồ Thanh H1) được bổ nhiệm chức trụ trì Chùa P2 tại Quyết định số 542/QĐ.BTS ngày 21/12/2001. Ngày 06/6/2002, Chùa P2 có đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được Ủy ban nhân dân Tỉnh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo bản đồ địa chính có lưới tọa độ với diện tích 1.072m², thửa số 113, tờ bản đồ số 3, mục đích sử dụng: đất tôn giáo, tại thị trấn C, huyện C, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: T00005 vào ngày 26/9/2005. Sau khi Chùa P2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Phạm Hoàng T gửi đơn khiếu

nại đến Ủy ban nhân dân Tỉnh yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho Chùa P2; đồng thời, yêu cầu trả lại Chùa P2 và đất cho gia đình ông. Khiếu nại của ông Phạm Hoàng T đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh giải quyết tại Quyết định số 364/QĐ-UBND-NĐ ngày 03/7/2008, nội dung: bác đơn khiếu nại của ông Phạm Hoàng T, công nhận quyền sử dụng đất cho Chùa P2, diện tích 1.072m². Giao Ủy ban nhân dân huyện C thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Phạm Hoàng T đối với phần đất Chùa P2 đang sử dụng. Nay, ông Phạm Hoàng T yêu cầu Tòa án nhân dân Tỉnh hủy Quyết định số 364/QĐ-UBND-NĐ ngày 03/7/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh là không có cơ sở; căn cứ khoản 5 Điều 38 của Luật đất đai 2003 (nay là khoản 2 Điều 106 của Luật đất đai 2013 hướng dẫn tại Điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP của Chính Phủ), Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh đề nghị Tòa án nhân dân Tỉnh giữ nguyên Quyết định số 364/QĐ-UBND-NĐ ngày 03/7/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh. Năm 2005, Ủy ban nhân dân Tỉnh cấp giấy cho Chùa P2 là phù hợp quy định tại khoản 4 Điều 51 của Luật đất đai 2003 (nay là khoản 4 Điều 102 Luật đất đai 2013), khoản 1 Điều 55 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ (nay là Điều 28 Nghị định 43 của Chính phủ), do đó, việc ông Phạm Hoàng T khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Chùa P2 được Ủy ban nhân dân Tỉnh cấp là không có cơ sở xem xét.

Tại đơn tường trình ngày 20/10/2022 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chùa P2 (đại diện là bà Hồ Thanh H1) trình bày:

Trước đây vào ngày 25/02/1994, gia tộc có mời bà về bàn giao lại ngôi Chùa P2, bà đã nhận lời và xin gia nhập Giáo hội, lúc đó khu đất tại Chùa P2 chưa được cấp đổi quyền sử dụng đất. Năm 2001, Chùa P2 được cơ quan Nhà nước công nhận là cơ sở Giáo hội P3. Nguồn gốc đất của ngôi Chùa P2 trước đây là đất của ông Tô Văn T4 đứng tên có địa bộ cũ trước năm 1975 là thửa số 24, diện tích 0.28.30 bản đồ địa chính thửa số 19+50 tổng diện tích 2.626m², sau khi ông T4 qua đời con cháu thay nhau sử dụng, trong đó có vợ chồng bà Tô Thị M và ông Phạm Văn N1. Đến năm 1917, ông Phạm Văn H4 (con bà M và ông N1) xây dựng Chùa P2 (dân thường gọi là Chùa B2). Sau khi ông H4 qua đời con ông H4 là ông Phạm Văn L2 tiếp tục quản lý sử dụng đến năm 1963, ông L2 qua đời, vợ ông L2 là bà Trần Thị N2 và con gái là bà Phạm Thị B tiếp tục quản lý sử dụng đến năm 1983. Trong giai đoạn từ năm 1963 đến năm 1983, bà N2 và bà B là người trực tiếp chăm lo hương khói cho Chùa P2. Năm 1983, bà N2 qua đời, gia đình bà B thống nhất để ông Trương Thanh B1 (pháp danh là Thích Giác L3) về quản lý ngôi C. Đến năm 1990, ông B1 qua đời, ngôi C được gia đình bà B giao lại cho ông Thích Thiện L1 quản lý, đến năm 1993, Hội đồng gia tộc có lập tờ ủy quyền hiến đất cho Chùa P2, ông Thích Thiện L1 là người tiếp nhận và ông L1 tiến hành xây dựng hàng rào quanh C. Đến năm 1994, ông L1 về Vĩnh Long, gia đình bà B tiếp tục giao cho bà là Hồ Thanh H1 (pháp danh là Thích nữ Như Lạc) về quản lý Chùa P2 cho đến nay. Đến năm 1995, đất tại Chùa P2 vẫn chưa cải bộ sang tên cho người khác, vẫn đứng tên đất là Tô Văn T4, có địa bộ cũ trước năm 1975 là thửa số 24, diện tích 0.28.30 bản đồ địa chính thửa số 19+50 tổng diện

tích 2.626m². Nhưng vào tháng 01/1998, ông Phạm Hoàng T có đơn khiếu nại tranh chấp đất với bà Phạm Thị B chủ đất ngôi Chùa P2 đến Ủy ban nhân dân huyện C. Đến tháng 03/1998, đơn khiếu nại được chuyển lên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xem xét giải quyết. Đến tháng 5/1998, Phòng Địa chính huyện C đã ra công văn thu hồi hồ sơ khiếu kiện của ông T từ Tòa án về Văn phòng địa chính Huyện để xử lý. Ngày 01/3/2000, ông T nhận được Quyết định số 61/QĐ-UB ngày 22/02/2000 của Ủy ban nhân dân huyện C với nội dung là thu hồi 334m² đất được Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông T quyền sử dụng đất ngày 20/10/1997 có diện tích 2.626m² đất thổ cư. Ông T không đồng ý với Quyết định trên nên đã làm đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Châu Thành. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã không chấp thuận yêu cầu của ông T. Đến ngày 26/09/2005, thì Chùa P2 được Ủy ban nhân dân tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thửa số 113, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.072m², đất tôn giáo, đất tọa lạc tại ấp P (nay là khóm P), thị trấn C, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi Chùa P2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thì ông T lại tiếp tục khiếu nại đến Ủy ban nhân dân tỉnh Đ. Ngày 03/7/2008, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ đưa Quyết định số 364/QĐ-UBND-NĐ về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Hoàng T. Ủy ban nhân dân tỉnh Đ đã bác đơn khiếu nại của ông T và giao cho Ủy ban nhân dân huyện C thu hồi giấy chứng nhận đất đã cấp cho ông Phạm Hoàng T đối với phần đất của Chùa P2 đang sử dụng. Đến tháng 01/2022, bà có làm đơn gửi đến Ủy ban nhân dân huyện C yêu cầu thi hành Quyết định số 364/QĐ-UBND-NĐ ngày 03/7/2008, thì bà nhận được trả lời số 551/UBND-NC của Ủy ban nhân dân huyện C. Sau khi nhận được trả lời của Ủy ban nhân dân huyện C, ngày 10/10/2022 ông Phạm Hoàng T tiếp tục gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Nay bà làm đơn gửi đến Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp để tường trình về nguồn gốc đất của Chùa P2 từ trước đến nay, kính mong Tòa án xem xét thực hiện Quyết định số 364/QĐ-UBND-NĐ ngày 03/7/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ, vì ngôi C đã có tuổi gần 100 năm là nơi bà sống, nơi tu tập và giữ gìn giáo sản của Hội P4.

Tại bản tự khai ngày 19/12/2022 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Hoàng T3 và chị Nguyễn Thị Mỹ P trình bày:

Anh chị là thành viên trong hộ gia đình của ông Phạm Hoàng T, việc ông Phạm Hoàng T khởi kiện yêu cầu: Hủy các Quyết định hành chính số 390/QĐ-UBND ngày 12/5/2022 của Ủy ban nhân dân huyện C; Quyết định hành chính số 364/QĐ-UBND-NĐ ngày 03/7/2008 của UBND tỉnh Đ; Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ cấp cho chùa P2 đối với phần diện tích đất 1.072m² thuộc thửa đất số 113, tờ bản đồ số 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Đồng Tháp là để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình, trong đó có các anh chị và căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ do ông Tiên cung c, anh chị tin rằng yêu cầu khởi kiện của ông T là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật. Vì vậy, anh chị hoàn toàn thống nhất với ý kiến và yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hoàng T, kính mong Quý Tòa xem xét giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hoàng T để đảm bảo quyền lợi hợp pháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ yêu cầu giữ nguyên các Quyết định hành chính theo Văn bản ý kiến số 466/UBND-TCĐ-NC của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện C yêu cầu giữ nguyên các Quyết định hành chính theo Văn bản ý kiến số 5350/UBND-NC và 470/UBND-NC của Ủy ban nhân dân huyện C.

Đại diện Viện kiểm sát Tỉnh phát biểu ý kiến về việc chấp hành theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Luật tổ tụng hành chính từ khi thụ lý đến khi xét xử, đảm bảo cho các đương sự được thực hiện quyền và nghĩa vụ của họ theo quy định của Luật tổ tụng hành chính và đề nghị đường lối xử lý vụ án là chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hoàng T, hủy Quyết định số 364/QĐ-UBND-NĐ ngày 03/7/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ, Quyết định số 390/QĐ-UBND ngày 12/5/2022 của Ủy ban nhân dân huyện C. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu của ông Phạm Hoàng T đối với việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 817144 do Ủy ban nhân dân tỉnh Đ cấp ngày 26/9/2005 cho Chùa P2.

Tại Bản án số 30/2023/HC-ST ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:

Căn cứ vào quy định tại Điều 30, Điều 32, điểm a, khoản 1 Điều 116, khoản 1 Điều 158, khoản 2 Điều 173, Điều 193, khoản 1 Điều 348 của Luật tổ tụng hành chính 2015;

Căn cứ vào quy định tại khoản 7 Điều 25 Bộ luật tố tụng dân sự 2004 nay là khoản 9 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 136 Luật đất đai 2003 nay là khoản 1 Điều 203 của Luật đất đai 2013;

Căn cứ khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hoàng T.

- Hủy Quyết định số 364/QĐ-UBND-NĐ ngày 03/7/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về việc giải quyết khiếu nại và Quyết định số 390/QĐ-UBND ngày 12/5/2022 của Ủy ban nhân dân huyện C về thu hồi, điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Phạm Hoàng T.

- Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hoàng T đối với việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 807144 cấp ngày 26/9/2005 cho Chùa P2.

- Về án phí: Ủy ban nhân dân huyện C, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Ông Phạm Hoàng T không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 02/10/2023, Chùa P2, đại diện là bà Hồ Thanh H1 có đơn kháng cáo, yêu cầu hủy án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Chùa P2 yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hoàng T. Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích cho Chùa P2 yêu cầu không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hoàng T, với lý do: Khi ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có cả đất của Chùa P2 mà ông T không quản lý, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Chùa P2 là phù hợp quy định của pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ủy ban nhân dân tỉnh Đ có đơn xin vắng mặt và đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp là ông Nguyễn Hoàng H đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

Ông Phạm Hoàng T và người đại diện theo uỷ quyền không đồng ý huỷ án hay sửa án vì án sơ thẩm là có căn cứ.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, nội dung kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 241 Bộ luật Tố tụng hành chính bác kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, giữ y bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là Chùa P2, mà đại diện là bà Hồ Thanh H1 được làm đúng thời hạn, hình thức nội dung đảm bảo theo quy định pháp luật. Về việc xét xử vắng mặt đối với người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện hợp pháp của người bị kiện có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng Hành chính, Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử vắng mặt đối với người bị kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích cho người bị kiện.

[2] Xét kháng cáo của Chùa P2, yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Ngày 20/10/1997, UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số vào sổ 01456QSĐĐ/B3 cho ông Phạm Hoàng T các thửa 19 và 50 có diện tích là 2.626m² đất Thổ, trong diện tích đất nêu trên có 1.072m² đất trong khuôn viên Chùa P2, trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông

T không có văn bản thể hiện sự đồng ý của người đang quản lý Chùa P2. Ông Phạm Hoàng T và bà Hồ Thanh H1 thống nhất xác định ngôi Chùa P2 được hình thành trước năm 1975. Việc thừa nhận của ông T và bà H1 phù hợp với kết quả xác minh của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ thể hiện: Nguồn gốc đất Chùa P2 là của ông Tô Văn T4, sau khi ông T4 qua đời con cháu thay nhau sử dụng đất Chùa từ năm 1917 đến năm 1993. Tại thời điểm năm 1993, Hội đồng gia tộc có lập tờ ủy quyền hiến đất cho Chùa P2, ông Thích Thiện L1 là người đại diện C tiếp nhận và ông L1 có xây dựng hàng rào xung quanh ngôi Chùa. Năm 1994, ông Thích Thiện L1 về Vĩnh Long, gia đình bà Phạm Thị B (cháu đời thứ 05 của ông T4) tiếp tục giao cho bà Hồ Thanh H1 (pháp danh Thích nữ Như Lạc) quản lý Chùa P2.

Như vậy, khi xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phạm Hoàng T vào năm 1997 tại thửa đất 19 và 50 nêu trên, UBND huyện C chưa xem xét, kiểm tra thực tế việc ông T kê khai diện tích đất có tài sản và đất có diện tích 1.072m² mà ông T không quản lý sử dụng nhưng lại cấp toàn bộ diện tích 2.626m² là chưa phù hợp, không đúng quy định.

[2.2] Trong diện tích đất 2.626m² Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Phạm Hoàng T, ngoài diện tích 1.072m² Chùa P2 đang quản lý nêu trên còn có diện tích đất 334m² của bà Phạm Thị B quản lý sử dụng và Ủy ban nhân dân huyện C có quyết định số 61/QĐ-UB ngày 22/02/2000 thu hồi diện tích 334m² đã cấp cho ông T, ông T khiếu nại và khởi kiện quyết định nêu trên tại toà án. Tại Bản án sơ thẩm số 01/HC-ST ngày 11/8/2000 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành và Bản án hành chính phúc thẩm số 01/HCPT ngày 29/9/2000 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hoàng T về việc hủy Quyết định số 61/QĐ-UB ngày 22/02/2000 của Ủy ban nhân dân huyện C. Ông Phạm Hoàng T tiếp tục gửi đơn yêu cầu Toà hành chính, Tòa án nhân dân tối cao xem xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án hành chính phúc thẩm số 01/HC PT ngày 29/9/2000 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Ngày 09/3/2001, Toà hành chính Tòa án nhân dân tối cao có Công văn số 23/CV-HC trả lời ông Phạm Hoàng T theo thủ tục giám đốc thẩm, nội dung Bản án hành chính phúc thẩm số 01/HC PT ngày 29/9/2000 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ và đúng pháp luật là có xảy ra trên thực tế.

[2.3] Ngày 06/6/2002, Chùa P2 có đơn xin Ủy ban nhân dân tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất của Chùa P2 có: Tờ Ủy quyền của ông Phạm Văn T5, thay mặt gia tộc họ P1; Bản rà soát tình hình quyền sử dụng đất Chùa P2; Đơn xin xác nhận cơ sở tôn giáo; Chứng nhận cơ sở giáo hội P3; Trích lục bản đồ địa chính, hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phù hợp với quá trình sử dụng đất của Chùa P2 nên Ủy ban nhân dân tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Chùa P2 là phù hợp với hiện trạng sử dụng đất được quy định tại khoản 4 Điều 51 của Luật đất đai 2003 (nay là khoản 4 Điều 102 Luật đất đai 2013), khoản 1 Điều 55 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ (nay là Điều 28 Nghị định 43 của Chính phủ).

[2.4] Ngày 10/7/2006, ông Phạm Hoàng T có đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân tỉnh Đ việc cấp giấy chứng nhận đã cấp cho Chùa P2, sau khi thẩm tra hồ sơ đăng ký kê khai quyền sử dụng đất và xem xét hiện trạng sử dụng đất thực tế, Sở T có báo cáo phúc tra đơn khiếu nại của ông T và kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Đ không chấp nhận khiếu nại của ông T. Tại Quyết định số 364/QĐ-UBND-NĐ ngày 03/7/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ đã không chấp nhận yêu cầu khiếu nại của ông T. Trong quá trình xác minh, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ phát hiện việc Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T có diện tích đất 1.072m² ông T không quản lý sử dụng nhưng lại cấp cho ông T nên Ủy ban nhân dân tỉnh Đ giao Ủy ban nhân dân huyện C là nơi cấp quyền sử dụng đất cho ông T thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Phạm Hoàng T đối với phần đất Chùa P2 đang sử dụng là đúng trình tự thủ tục theo quy định.

[2.5] Tại Quyết định số 390/QĐ-UBND ngày 12/5/2022 của Ủy ban nhân dân huyện C về thu hồi, điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Phạm Hoàng T với diện tích 1.072m². Ông T không đồng ý nên khiếu kiện yêu cầu huỷ Quyết định số 364/QĐ-UBND-NĐ ngày 03/7/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ và Quyết định số 390/QĐ-UBND ngày 12/5/2022 của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Như đã phân tích tại đoạn [2.1] đến [2.4], Hội đồng xét xử thấy rằng: Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phạm Hoàng T có diện tích đất 1.072m² ông T không quản lý sử dụng là cấp sai đối tượng sử dụng đất và Ủy ban nhân dân tỉnh Đ cấp quyền sử dụng đất cho Chùa P2 là đúng quy định. Do đó, Quyết định số 364/QĐ-UBND-NĐ ngày 03/7/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ không chấp nhận khiếu nại của ông T về thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho Chùa P2 và Quyết định số 390/QĐ-UBND ngày 12/5/2022 của Ủy ban nhân dân huyện C về thu hồi, điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Phạm Hoàng T với diện tích 1.072m² là đúng trình tự, thủ tục pháp luật quy định, đảm bảo đúng cả về hình thức và nội dung. Bản án sơ thẩm huỷ 02 quyết định hành chính nêu trên là chưa xem xét, đánh giá toàn diện nội dung vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của Chùa P2, sửa án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hoàng T.

[2.6] Việc ông Phạm Hoàng T cho rằng C phước Sanh là của gia đình ông T thì ông T có quyền khởi kiện vụ án dân sự theo thủ tục chung.

[3] Về án phí: Ông Phạm Hoàng T là người cao tuổi nên được miễn án phí, người bị kiện không chịu án phí. Chùa P2 kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí phúc thẩm, bà H1 đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên được hoàn lại toàn bộ.

[4] Như đã phân tích, không chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành Phố Hồ Chí Minh.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính;

Chấp nhận kháng cáo của Chùa P2, sửa Bản án hành chính sơ thẩm số: 30/2023/HC-ST ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp về khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

Căn cứ vào quy định tại Điều 30; Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; khoản 1 Điều 158; khoản 2 Điều 173; Điều 193; khoản 1 Điều 348 của Luật tổ tụng hành chính 2015;

Căn cứ vào quy định tại khoản 7 Điều 25 Bộ luật Tổ tụng dân sự 2004 nay là khoản 9 Điều 26 của Bộ luật Tổ tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 136 Luật đất đai 2003 nay là khoản 1 Điều 203 của Luật đất đai 2013;

Căn cứ khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu rút phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hoàng T. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hoàng T đối với việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 807144 cấp ngày 26/9/2005 cho Chùa P2.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hoàng T về việc: Yêu cầu hủy Quyết định số 364/QĐ-UBND-NĐ ngày 03/7/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về việc giải quyết khiếu nại và Quyết định số 390/QĐ-UBND ngày 12/5/2022 của Ủy ban nhân dân huyện C về thu hồi, điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Phạm Hoàng T.

3. Về án phí:

3.1. Người bị kiện không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, phúc thẩm.

3.2. Ông Phạm Hoàng T không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, phúc thẩm.

3.3. Chùa P2 không phải chịu án phí, bà Hồ Thanh H1 đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003278 ngày 02/10/2023 được hoàn lại toàn bộ tại Cục Thi hành án tỉnh Đ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP . HCM;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Cục THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu HS,VP. 19b BDQK

Cao Văn Tám